

TIẾNG ANH 9

WORD FORM

UNIT 9

Solution: giải pháp	_____ : giải quyết		
_____ : sự ồn ào		Noisy: ồn ào	_____ : ồn ào
_____ : sự lựa chọn	Choose: chọn lựa		
Success: sự thành công	_____ : thành công	_____ : thành công	_____ : một cách thành công
_____ : sự phun trào	Erupt: phun		
_____ : lời tiên đoán	Predict: tiên đoán	_____ : có thể đoán trước _____ : không thể đoán trước	
_____ : sự an toàn		Safe; an toàn	_____ : một cách an toàn
_____ : sức mạnh	_____ : trở nên mạnh hơn	Strong: mạnh mẽ	_____ : một cách mạnh mẽ
Tide: thủy triều		_____ : thuộc về thủy triều	
_____ : vùng nhiệt đới		Tropical: thuộc về nhiệt đới	
Volcano: núi lửa		_____ : thuộc về núi lửa	